

Số 09/2019/QĐST-DS

S, ngày 16 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Bửu P và bà Trịnh Thị B

Nơi cư trú: 09 L, tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Doãn K và bà Đinh Thị H

Nơi cư trú: Thôn N xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả:

Ông Nguyễn Doãn K và bà Đinh Thị H công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho ông Huỳnh Bửu P và bà Trịnh Thị B theo hợp đồng thuê khoán và hợp đồng vay, tổng số tiền là 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng.

2.2. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán:

Ông Nguyễn Doãn K và Thanh toán toàn bộ số tiền 140.000.000 đồng làm 04 lần.

- Lần thứ nhất vào ngày 21/12/2019: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

- Lần thứ hai vào ngày 21/12/2020: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

- Lần thứ ba vào ngày 21/12/2021: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

- Lần thứ tư vào ngày 21/12/2022: Trả 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

Nếu đến thời hạn trên mà ông K bà H không trả tiền cho ông P, bà B hoặc

trả không đầy đủ theo cam kết thì ông P, bà B có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2.3 Về Hợp đồng thuê khoán:

Ông Huỳnh Bửu P, bà Trịnh Thị B và ông Nguyễn Doãn K, bà Đinh Thị H chấm dứt hợp đồng thuê khoán giữa bên cho thuê khoán: Ông Huỳnh Bửu P, bà Trịnh Thị B và bên thuê khoán: Ông Nguyễn Doãn K, bà Đinh Thị H được Văn phòng công chứng S công chứng ngày 09/01/2015, số 09, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD từ ngày 16/4/2019.

2.4. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đồng. Tổng án phí là 3.650.000đồng

Hai bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Doãn K và bà Đinh Thị H có nghĩa vụ chung chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.650.000đồng (*ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bửu P và bà Trịnh Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.991.500 đồng (*Ba triệu chín trăm chín mươi một ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0007746 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng